
ABSTRACTS IN ENGLISH

Các quan hệ liên văn hóa trong những xã hội đa sắc tộc: Những hàm ý cho việc cùng chung sống ở Việt Nam

John W. Berry

Tóm tắt: Có lẽ không có thách thức nào đối với sự ổn định và cố kết xã hội trong thế giới đương đại hệ trọng hơn việc quản lý các quan hệ liên văn hóa ở những xã hội đa sắc tộc. Việc quản lý này thành công phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm sự thấu hiểu dựa trên nghiên cứu những đặc điểm tâm lý, tôn giáo, kinh tế, chính trị, lịch sử của các nhóm sắc tộc có liên hệ với nhau. Câu hỏi cơ bản là: “Chúng ta sống cùng nhau như thế nào?” Trong đề tài được trình bày ở bài viết này, chúng tôi cố gắng cung cấp nghiên cứu như thế bằng cách xem xét ba giả thuyết tâm lý học về quan hệ liên văn hóa (đa văn hóa, quá trình tiếp xúc và sự hòa nhập) trong 17 xã hội đa dạng về văn hóa. Mục đích chính của đề tài là đánh giá ba giả thuyết xuyên

các xã hội này để nhận diện một số nguyên lý tâm lý học cơ bản mà những nguyên lý này có thể tăng cường các quan hệ liên văn hóa. Mục đích cuối cùng là vận dụng những phát hiện để đề xuất một số chính sách và chương trình qua đó có thể cải thiện chất lượng các quan hệ liên văn hóa mang tính toàn cầu. Những phát hiện trong 17 xã hội nhìn chung hậu thuẫn tính hiệu lực của những giả thuyết này. Từ đó, các hàm ý cho việc phát triển các chính sách và chương trình để nâng cao chất lượng các quan hệ liên văn hóa sẽ được thảo luận.

Từ khóa: tiếp biến văn hóa; chiến lược tiếp biến văn hóa; đồng hóa; hội nhập; sự ngăn cách; quan hệ liên văn hóa.

Sự biến đổi của chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể bên trong cá nhân: Ảnh hưởng của các giá trị định hướng gia đình, bạn bè và công việc

Nguyễn Hữu An

Tóm tắt: Chủ nghĩa cá nhân-chủ nghĩa tập thể là chiều cạnh thường được sử dụng trong những nghiên cứu so sánh văn hoá. Sự thể hiện của chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể được phát hiện có sự khác biệt giữa các cấp độ phân tích. Trong khi hai khái niệm này được xem như là hai cực đối lập của một thể liên tục đơn hơn hướng ở cấp độ

phân tích văn hóa, ở cấp độ phân tích cá nhân chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể được chứng minh độc lập với nhau và có sự biến đổi bên trong mỗi nền văn hóa cũng như bên trong cá nhân. Những tranh luận gần đây đề xuất nên xem hai chiều cạnh này là những trạng thái biến đổi tùy thuộc theo bối cảnh xã hội thay vì xem là những đặc

điểm cá nhân. Cách tiếp cận này cho phép giải thích tại sao mỗi một cá nhân vừa coi trọng những giá trị đề cao cá nhân vừa coi trọng giá trị đề cao tập thể. Dựa trên số liệu của ba pha khảo sát mới nhất từ chương trình Điều Tra Giá Trị Thế Giới, bài viết này thăm dò sự biến đổi của những chiều cạnh văn hóa này ở cấp độ phân tích cá nhân dưới tác động của những giá trị hướng đến những mối quan hệ xã hội thiết yếu mà cá nhân tương tác, cụ thể giá trị định hướng gia đình, bạn bè và công việc. Bên cạnh đó, sự khác biệt về sự ảnh hưởng/tác động của các giá trị này đến các chiều cạnh văn hóa giữa “phương Tây” và “phương Đông” cũng như

sự thay đổi qua thời gian cũng được đề cập. Kết quả nghiên cứu cho thấy chủ nghĩa cá nhân được đề cao ở những người xem công việc là quan trọng và mối liên hệ này được thể hiện mạnh hơn ở nền văn hóa phương Tây, tuy nhiên không hiện diện rõ qua thời gian. Trong khi đó, chủ nghĩa tập thể được đề cao ở các cá nhân xem gia đình và bạn bè quan trọng, và những mối liên hệ này được thể hiện mạnh hơn ở các nước phương Đông.

Từ khóa: Nghiên cứu so sánh văn hoá; chủ nghĩa cá nhân; chủ nghĩa tập thể; giá trị xã hội.

Trẻ em trong môi trường nuôi dưỡng tập trung: Làm thế nào để đảm bảo chất lượng của dịch vụ chăm sóc tại Việt Nam?

Nguyễn Thái Lan

Tóm tắt: Những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được những bước đi quan trọng trong việc chăm sóc và hỗ trợ trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt nhờ những nỗ lực của chính phủ và các tổ chức quốc tế liên quan, đặc biệt là UNICEF. Đến nay, Việt Nam đã xây dựng một hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến việc chăm sóc và hỗ trợ trẻ em như Luật Trẻ em (2016) và Luật Người Khuyết tật (2010). Mặc dù Việt Nam đã và đang có những nỗ lực để giảm các hình thức nuôi dưỡng tập trung, một số trẻ em thiết thòi được chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội. Vì vậy điều quan trọng là phải quan tâm đến việc cải thiện các dịch vụ cho những trẻ em này để đảm bảo đáp ứng các nhu cầu và tôn trọng các quyền của các em. Báo cáo này trình bày một nghiên cứu đánh giá các tiêu chuẩn chăm sóc trẻ em khuyết tật từ 2016 tại Hà Nội, Lào Cai, Đà Nẵng, Kon Tum và Bến Tre do Liên Hiệp hội người khuyết tật Việt Nam thực hiện với sự tài trợ

của UNICEF-Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng kết hợp các phương pháp thu thập dữ liệu để có được cả thông tin định tính và định lượng: Khảo sát 11 trung tâm bảo trợ xã hội, 84 người quản lý, nhân viên; phỏng vấn sâu 5 cán bộ quản lý, 19 nhân viên trực tiếp và 13 trẻ em. Kết quả cho thấy có nhiều lĩnh vực cần được cải thiện, đặc biệt là sự hiểu biết của cán bộ công ty về Thông tư về các tiêu chuẩn chăm sóc, sự không đủ điều kiện để thực hiện Thông tư và những hạn chế trong việc thực hiện các tiêu chuẩn chăm sóc. Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò của công tác xã hội và những gợi mở cho việc tham gia của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực này để hỗ trợ và đảm bảo các dịch vụ cho trẻ em dễ bị tổn thương dựa trên nhu cầu và quyền.

Từ khóa: chăm sóc tập trung/ trung tâm bảo trợ xã hội; trẻ em khuyết tật; các tiêu chuẩn chăm sóc; công tác xã hội.

Biểu thức lúa gạo tiếng Việt: Một phân tích trên bình diện văn hóa - xã hội

Nguyễn Ngọc Bình

Tóm tắt: Lúa gạo là đề tài mà con người có thể nghe thấy hàng ngày, ở mọi nơi trên thế giới. Một nghiên cứu về các biểu thức lúa gạo khẳng định tầm quan trọng của nó trong cuộc sống hàng ngày và/hoặc trong lịch sử, đặc biệt là ở khu vực Đông Nam Á. Bài viết này nghiên cứu các bình diện văn hóa - xã hội thể hiện qua việc phân tích 776 biểu thức lúa gạo tiếng Việt. Bài viết chỉ ra

rằng, khái niệm lúa gạo, một biểu tượng văn hóa gắn liền với đời sống người Việt, được sử dụng để thể hiện nhiều khía cạnh của cuộc sống, bao gồm xã hội, kinh tế, chính trị và bản sắc Việt.

Từ khóa: biểu thức lúa gạo; ngôn ngữ học tri nhận; ngữ nghĩa học; bình diện văn hóa - xã hội.

Ẩn dụ ý niệm trong câu hành vi tiếng Anh và tiếng Việt

Nguyễn Thị Tú Trinh, Phan Văn Hòa, Trần Hữu Phúc

Tóm tắt: Những khái niệm về ẩn dụ ý niệm và ẩn dụ liên nhân được Halliday giới thiệu trong cuốn *Nhập môn Ngữ pháp Chức năng* của ông (1985). Qua đó, Halliday phân biệt ẩn dụ ngữ pháp mới nhận diện của ông với ẩn dụ 'mang tính hình ảnh của ngôn ngữ'. Bài viết này nhằm làm sáng tỏ ba thể loại chính về các dạng thức điển hình của ẩn dụ ý niệm ở mệnh đề hành vi trong tiếng Anh và tiếng Việt dưới khung lý thuyết do Halliday và Matthiessen (2000, 2004), Martin và các tác giả (1997) gợi ra. Bài viết tập trung mô tả một loạt các dạng cấu tạo và các dạng thức chuyển đổi của ẩn dụ ý niệm

(ẩn dụ chuyển tác) cũng như những biến tấu ngữ pháp giữa các hình thức tương thích và không tương thích khi áp dụng để phân tích các mô hình chuyển tác của mệnh đề hành vi trong tiếng Anh và tiếng Việt. Quá trình phân tích đặc điểm ẩn dụ ý niệm trong mệnh đề hành vi dựa trên dữ liệu từ bốn cuốn tiểu thuyết tiếng Anh và năm cuốn tiểu thuyết tiếng Việt và một số truyện ngắn từ thế kỷ 19 đến nay. Phần kết luận cho thấy một số thành quả mới liên quan và đề xuất một số phương án ứng dụng.

Từ khóa: ẩn dụ ý niệm; cú hành vi; ngữ pháp chức năng.

Về những nỗ lực và nhiệm vụ khó khăn trong một số hệ phái Tin Lành quan trọng được công nhận chính thức bởi Chính phủ Việt Nam vào đầu thế kỷ 21

Wong Ai Khim (Vương Tâm)

Trong lịch sử Việt Nam, tôn giáo đã góp phần hòa nhập người Việt Nam thành một

xã hội cố kết đồng thời tăng cường tầm quan trọng của việc thừa nhận tôn giáo, bao gồm

Đạo Tin Lành ở Việt Nam. Bài viết này sẽ tập trung vào những nỗ lực và nhiệm vụ khó khăn hiện nay với sự thấu hiểu nguồn gốc lịch sử của một số giáo phái Tin lành quan trọng đã được công nhận chính thức bởi Ban Tôn giáo Chính phủ vào đầu những năm 2000. Hội thánh Cơ đốc Phục Lâm, Hội thánh Tin Lành Mennonite, Hội thánh Tin lành Báp-tít là những hệ phái tôn giáo thuộc mười một hệ phái tôn giáo được công nhận bởi Nhà nước. Ba hệ phái cụ thể đó được lựa chọn cho nghiên cứu ở đây. Phương pháp định tính và phương pháp định lượng là những phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này. Sự phát triển của Đạo Tin

Lành ở Việt Nam đã chịu ảnh hưởng của sự không ổn định và dễ thay đổi do thực dân hóa, cách mạng, chiến tranh từ giữa thế kỷ 19 sang thế kỷ 20, một thời kỳ được gọi là “thời kỳ mất mát” như được minh chứng bởi lịch sử của Đạo Tin Lành ở Việt Nam. Điều thiết yếu là thừa nhận và thấu hiểu những thời kỳ lịch sử khác nhau, nhất là đối với sự phát triển của mỗi hệ phái tôn giáo đã được thừa nhận bởi Nhà nước, và những hệ phái đó đáng được coi là di sản nhân văn và tôn giáo phi vật thể trong lịch sử Việt Nam.

Từ khóa: Luật tín ngưỡng tôn giáo; Đạo Tin Lành; Ban Tôn giáo Chính phủ.

Vấn đề hòa bình và hòa hợp trong chính sách tôn giáo của Akbar: nhìn từ *Din-i-Ilahi* và *Sulh-i Kul*

Nguyễn Trần Tiến

Tóm tắt: Abu'l-Fath Jalal-ud-din Muhammad Akbar hay Akbar Đại Đế (1556-1605), là một trong những vị hoàng đế vĩ đại của đế chế Mughal với nhiều đóng góp về quân đội, chính trị và hành chính. Trên thực tế, ông là người sáng lập ra đế chế sau khi ông giành chiến thắng tại trận đánh Panipat lần thứ II vào năm 1556. Chiến thắng này đã mở đường cho Akbar trở thành vị hoàng đế duy nhất ở tiểu lục địa Ấn Độ và tiếp tục tiến hành chinh phục các vị vua Hindu. Trong sự nghiệp trị vì của mình, Akbar được tôn vinh bởi những tư tưởng tự do và các chính sách tôn giáo của mình. Chính sách tôn giáo của Akbar được đưa ra dựa trên những tác động bên trong cũng như bên ngoài đế chế Mughal và thành công của

ông bắt nguồn từ chính sách tôn giáo Sulh-i Kul (hòa bình và hài hòa phổ quát) không kể tôn giáo, địa vị xã hội hay nguồn gốc xuất thân. Năm 1582, ông đưa ra một hệ tư tưởng tôn giáo mới là Din-i Ilahi (Tôn giáo Thần thánh). Đây được coi là một phong trào tôn giáo thống nhất và là một tư tưởng trọng yếu về sự hòa hợp giữa Hindu và Islam giáo. Bài viết này nhằm xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách tôn giáo của Akbar, đi sâu phân tích tư tưởng tôn giáo mới Din-i-Ilahi và Sulh-i Kul bằng cách nhìn nhận các đặc trưng và tính chất cơ bản mà nó đã định hình nên thái độ ứng xử của Akbar đối với các tôn giáo và các nhóm xã hội khác nhau.

Từ khóa: Đế chế Mughal; Akbar; chính sách tôn giáo; Din-i-Ilahi; Sulh-i Kul.